

PHỤ LỤC

MỨC CHI, THỜI GIAN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ CHO CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Khối Thành phố	Khối Xã, phường, đặc khu	
1	Chi tổ chức hội nghị				
	Chi tổ chức hội nghị		Thực hiện theo Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương		
	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử		Thực hiện theo Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày ... của HĐND thành phố Hải Phòng quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách thành phố Hải Phòng		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
2.1	Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Tổ công tác phục vụ bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp				
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	500,000	350,000	
b	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	200,000	140,000	
c	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	100,000	70,000	
2.2	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử				
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	300,000	210,000	
b	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	200,000	140,000	
c	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	100,000	70,000	
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Tổ công tác phục vụ bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:				
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	300,000	210,000	
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi	200,000	140,000	
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:	đồng/người/buổi			
c1	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát (các thành viên tham dự và khách mời)	đồng/người/buổi	150,000	105,000	
c2	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi	100,000	70,000	
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:				
d1	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	đồng/báo cáo	5,000,000	3,500,000	
d2	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử	đồng/báo cáo	7,000,000	4,900,000	
d3	Chi tham gia ý kiến của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử đối với báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát	đồng/người/lần	200,000	140,000	Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản
d4	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	1,000,000	700,000	
4	Chi xây dựng văn bản				
a	Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 42/2022/TT-BTC); Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND thành phố quy định một số chế độ, định mức chi tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hải Phòng		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Khối Thành phố	Khối Xã, phường, đặc khu	
b	Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại Thông tư 338/2016/TT-BTC (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản bầu cử)				
b1	<i>Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)</i>	<i>đồng/người/văn bản</i>	3,000,000	2,100,000	
b2	<i>Chi tham gia ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia</i>	<i>đồng/người/văn bản</i>	200,000	140,000	Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:				
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:				
a1	<i>Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp</i>	<i>đồng/người/tháng</i>	3,000,000	2,100,000	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người có hiệu lực đến khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt
a2	<i>Các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp, Thư ký Ủy ban bầu cử các cấp</i>	<i>đồng/người/tháng</i>	2,700,000	1,890,000	
a3	<i>Các thành viên Ủy ban bầu cử, Tổ trưởng, Tổ phó các tổ giúp việc, thành viên của các tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử các cấp</i>	<i>đồng/người/tháng</i>	2,400,000	1,680,000	
b	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử, không bao gồm những người tham gia đoàn kiểm tra, giám sát, phục vụ trực tiếp dân (thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày)	đồng/người/ngày	200,000	140,000	
c	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/người/tháng	3,000,000	2,100,000	Thời gian được hưởng hỗ trợ: Trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt
d	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử	đồng/người/ngày	300,000	210,000	Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a	Thành viên Ủy ban bầu cử, Tổ trưởng, Tổ phó các tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử, Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, thường trực giúp việc cho Giám đốc Sở Nội vụ	đồng/người/tháng	500,000	350,000	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt
b	Trường hợp khác (được Chủ tịch Ủy ban bầu cử đồng ý bằng văn bản)	đồng/người/tháng	300,000	210,000	
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:				
a	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	150,000	105,000	
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	100,000	70,000	
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50,000	35,000	
8	Chi đóng hòm phiếu				
	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	đồng/hòm phiếu	500,000		
9	Chi khắc dấu				

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Khối Thành phố	Khối Xã, phường, đặc khu	
	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí)	đồng/dấu	400,000	280,000	Trường hợp mức chi khắc dấu cao hơn mức quy định trên phải được Chủ tịch Ủy ban bầu cử thành phố đồng ý bằng văn bản
10	Chi băng niêm yết danh sách bầu cử				
	Trường hợp chưa có băng niêm yết, hoặc băng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	đồng/băng	1,500,000	1,050,000	
11	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan		
12	Chi công tác phục vụ tuyên truyền, in ấn		Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, giao nhiệm vụ		